

THÔNG BÁO

Công khai kết quả phê duyệt QĐ số 252/QĐ – UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh sách học sinh, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính phủ năm học 2025 - 2026;

- Căn cứ Nghị định số 66/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Thủ tướng Chính Phủ quy định chính sách cho trẻ em, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng được quy định tại thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định địa bàn khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Thủ tướng Chính Phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ;

Căn cứ Công văn số 2689/SGDĐT-TC ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc hướng dẫn thực hiện chi trả chính sách cho học sinh, học viên bán trú phê duyệt tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 05/12/2025;

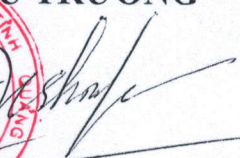
(Chi tiết có Quyết định 252/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi kèm theo)

Nay Trường THPT Trà Bồng thông báo đến học sinh toàn trường được biết để theo dõi thực hiện./.

Nơi nhận:

- Website, Zalo trường;;
- Lưu: KT, VT./.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Công Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Báo cáo số 335/BC-SGDDT ngày 31/10/2025 và Sở Tài chính tại Tờ trình số 70/TTr-STC ngày 15/11/2025 về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026, ý kiến thống nhất của tập thể UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo năm học 2025-2026 theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, cụ thể như sau:

1. Các đơn vị và số lượng học sinh, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền ở và gạo (*Chi tiết theo phụ lục I và Phụ lục II đính kèm*).

2. Thời gian thực hiện chính sách: Năm học 2025-2026 (*9 tháng, từ tháng 9/2025 đến tháng 5 /2026*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về tính chính xác, đủ điều kiện thụ hưởng chính sách đối với số lượng học sinh đã đề xuất.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các trường triển khai, thực hiện việc chi trả chính sách hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Hiệu trưởng các trường: Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú; Giám đốc các trung tâm: Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Thủ trưởng các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX._{PTT928}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ VÀ SỐ LƯỢNG HỌC SINH , HỌC VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN NHÀ Ở VÀ GẠO

(Kèm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
1	Trường THPT Phạm Kiệt (389 học sinh)						302	87	2	33	936.000	360.000	15	9	3.276.936.000	1.153.440.000	52.515	
1	Phạm Thị Giáng	X	01/03/2010	10A1	Hrê	Thôn Ba Ha (Xã Ba Xa), Xã Ba Xa	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Đinh Văn Hiệp		06/11/2009	10A1	Hrê	Thôn Trường An (Xã Ba Thành), Xã Ba Động	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
3	Phạm Thị Hồng Loan	X	04/11/2010	10A1	Hrê	Thôn Mang Mu (Xã Ba Xa), Xã Ba Xa	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Phạm Thị Vân	X	27/03/2010	10A1	Hrê	Thôn Nước Xuyên (Xã Ba Vi), Xã Ba Vi		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
5	Đinh Thị Phương Dung	X	05/07/2010	10A2	Hrê	Thôn K Rẫy (Xã Ba Tiêu), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
6	Phạm Thị Quỳnh Dung	X	01/06/2010	10A2	Hrê	Thôn K'rên (Xã Ba Ngạc), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	Phạm Văn Địa		10/10/2009	10A2	Hrê	Thôn Trường An (Xã Ba Thành), Xã Ba Động	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
8	Phạm Thị Giang	X	15/12/2010	10A2	Hrê	Thôn Nước Lãng (Xã Ba Xa), Xã Ba Xa	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
9	Phạm Văn Hà		01/08/2009	10A2	Hrê	Thôn Nước Lầy (Xã Ba Ngạc), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Phạm Tấn Hải		25/11/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Măng (Xã Ba Dinh), Xã Ba Dinh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Phạm Thị Mỹ Hạnh	X	23/07/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Trui (Xã Ba Tiêu), Xã Ba Vi		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Phạm Văn Hăng		11/12/2010	10A2	Hrê	Thôn Ba Lãng (Xã Ba Ngạc), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Phạm Văn Hình		17/11/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Mạ (Xã Ba Tô), Xã Ba Tô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Phạm Thị Bích Huyền	X	11/01/2010	10A2	Hrê	Thôn Nước Lầy (Xã Ba Ngạc), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	Phạm Thị Kinh	X	04/11/2010	10A2	Hrê	Thôn K Rẫy (Xã Ba Tiêu), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	Phạm Thị Mỹ Khuya	X	22/08/2010	10A2	Hrê	Thôn Nước Như (Xã Ba Xa), Xã Ba Xa	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
466	Hồ Sơn Trung		24/06/2008	12A5	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
467	Hồ Thị Thanh Vi	x	13/03/2008	12A5	Co	Thôn Trà Liên (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
468	Hồ Văn Hoài		24/02/2008	12A5	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
469	Hồ Văn Nghệ		16/10/2008	12A5	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
470	Hồ Văn Huy		20/02/2008	12A5	Co	Thôn Hà Riêng (Xã Trà Phong), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
471	Hồ Thị My	x	08/06/2008	12A5	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
472	Hồ Thanh Hoàng Sang		16/01/2008	12A5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Tây), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
473	Hồ Văn Thi		08/11/2008	12A5	Co	Thôn Đông (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
474	Hồ Thị Thanh Xòe	x	31/03/2008	12A5	Xơ-đăng	Thôn Trà Kem (Xã Trà Xinh), Xã Tây Trà		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
475	Hồ Thị Thanh Luệ	x	07/08/2008	12A5	Xơ-đăng	Thôn Trà Kem (Xã Trà Xinh), Xã Tây Trà		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Trường THPT Trà Bồng 528 học sinh)						475	53	-	44	936.000	360.000	15	9	4.447.872.000	1.568.160.000	71.280	
1	Hồ Hoài Bằng		02/05/2010	10A2	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Hồ Anh Dũ		10/09/2010	10A2	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
3	Hồ Thị Quỳnh Giao	x	10/04/2010	10A2	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Hồ Dong Gun		26/05/2010	10A2	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
5	Hồ Gia Huy		23/01/2010	10A2	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
6	Hồ Thái Khang		05/09/2010	10A2	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	Hồ Thị Ngọc Kim	x	20/07/2010	10A2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
8	Hồ Thị Bé Như	x	29/04/2010	10A2	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
9	Hồ Thị Kiều Oanh	x	20/11/2010	10A2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Hồ Văn Phước		15/01/2010	10A2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Hồ Hoàng Va Ro		26/09/2009	10A2	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Hồ Thị Thảo	x	07/03/2010	10A2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Hồ Thị Trang	x	29/03/2009	10A2	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Hồ Thị Thy Ân	x	07/04/2010	10A3	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	Lê Nguyễn Hải Nguyên		15/12/2010	10A3	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	Hồ Na Sa	x	04/01/2010	10A3	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
17	Hồ Trí Anh		05/02/2010	10A4	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
18	Hồ Thị Kiều Châu	x	16/10/2010	10A4	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
19	Hồ Nhất Đình		28/08/2010	10A4	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
20	Hồ Ki Han		09/09/2010	10A4	Co	Thôn 3 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
21	Hồ Thị Duyên Hoài	x	02/09/2010	10A4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
22	Đình Ngọc Hoàng		29/10/2010	10A4	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
23	Hồ Thị Tuyết Lai	x	09/07/2010	10A4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
24	Hồ Xuân Lập		24/02/2010	10A4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
25	Hồ Châu Kiệt Luân		10/08/2010	10A4	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
26	Hồ Văn Mai		19/05/2010	10A4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
27	Hồ Thị Diễm My	x	05/11/2010	10A4	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
28	Hồ Thị Trà My	x	09/04/2010	10A4	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
29	Hồ Thị Trà My	x	01/03/2009	10A4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
30	Hồ Thị Thu Ngân	x	08/03/2010	10A4	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	Hồ Thị Như	x	02/02/2010	10A4	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	Hồ Thị Oanh	x	05/11/2010	10A4	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
33	Hồ Thị Phấn	x	04/01/2010	10A4	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
34	Hồ Văn Quảng		06/08/2010	10A4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
35	Hồ A Sung		02/06/2010	10A4	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
36	Hồ Văn Thắng		19/08/2010	10A4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
37	Hồ Ngọc Thiên		31/05/2010	10A4	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
38	Hồ Quang Văn		17/01/2010	10A4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
39	Hồ Kiều Vy	x	25/10/2010	10A4	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
40	Đình Thị Hồng Vy	x	12/03/2010	10A4	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
41	Hồ Thị Kim Xuyên	x	07/06/2010	10A4	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
42	Hồ Thị Yên	x	27/12/2010	10A4	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
43	Hồ Quyền Anh		13/02/2010	10A5	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
44	Hồ Thị Chi	x	10/06/2009	10A5	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
45	Hồ Hân Di	x	15/07/2010	10A5	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
46	Hồ Xuân Dương		27/06/2010	10A5	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
47	Hồ Văn Đạt		24/02/2010	10A5	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
48	Hồ Thị Xuân Diễm	x	25/12/2010	10A5	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
49	Hồ Thị Hằng	x	23/03/2010	10A5	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
50	Hồ Quốc Kiệt		09/12/2010	10A5	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
51	Hồ Thị Lành	x	20/11/2010	10A5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
52	Hồ Thị Linh	x	10/06/2009	10A5	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
53	Hồ Hoàng Long		21/08/2010	10A5	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
54	Hồ Thị Lý	x	03/12/2010	10A5	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
55	Hồ Thị A Na	x	23/11/2010	10A5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
56	Hồ Thị Bích Nghi	x	08/03/2010	10A5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
57	Hồ Xuân Ngọc		10/03/2010	10A5	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
58	Hồ Thị Nhiên	x	09/12/2010	10A5	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
59	Hồ Thị Quỳnh Như	x	23/10/2010	10A5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
60	Hoàng Minh Quân		08/01/2010	10A5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
61	Hồ Thị Diễm Quỳnh	x	13/04/2010	10A5	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
62	Hồ Thị Diệu Thao	x	15/04/2010	10A5	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
63	Hồ Văn Thiên		14/09/2010	10A5	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
64	Hồ Văn Tiền		04/04/2010	10A5	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
65	Hồ Văn Tuy		17/09/2010	10A5	Co	Thôn Bằng (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
66	Hồ Thị Lang Vy	x	28/01/2010	10A5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
67	Hồ Thị Yến	x	14/10/2010	10A5	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
68	Hồ Hoàng Thiên Ân		15/09/2009	10A6	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
69	Hồ Anh Bum		06/01/2010	10A6	Co	Thôn Trà Lương (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
70	Hồ Minh Chí		01/03/2010	10A6	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
71	Hồ Văn Cường		25/12/2010	10A6	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
72	Hồ Văn Danh		29/06/2010	10A6	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
73	Hồ Thị Diệu	x	17/01/2010	10A6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
74	Hồ Minh Dũng		01/11/2010	10A6	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
75	Hồ Thị Hậu Giang	x	01/04/2010	10A6	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
76	Hồ Thị Hạ	x	14/07/2010	10A6	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
77	Hồ Thị Mỹ Lai	x	10/02/2010	10A6	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
78	Hồ Thị Vân Ly	x	02/04/2010	10A6	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
79	Hồ Thị Nga	x	16/11/2010	10A6	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
80	Hồ Thị Chí Nhược	x	06/11/2010	10A6	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
81	Hồ Thị Ngọc Quỳnh	x	05/11/2010	10A6	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
82	Hồ Thị Sang	x	10/05/2010	10A6	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
83	Hồ Thanh Thảo		01/04/2009	10A6	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
84	Hồ Thị Thảo	x	07/01/2010	10A6	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
85	Hồ Thị Kim Thương	x	10/02/2010	10A6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
86	Hồ Thị Tuyền	x	12/07/2010	10A6	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
87	Hồ Thị Kiều Vy	x	25/02/2010	10A6	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
88	Hồ Văn Xô		25/07/2009	10A6	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
89	Hồ Rót Ben		23/09/2009	10A7	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
90	Hồ Thị Hồng Diễm	x	12/11/2010	10A7	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
91	Hồ Thị Hà	x	21/11/2010	10A7	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
92	Hồ Thị Thu Hòa	x	22/3/2010	10A7	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
93	Hồ Hồng Lưu		11/2/2010	10A7	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
94	Hồ Thị Ái My	x	27/4/2010	10A7	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
95	Hồ Thị Ngọc	x	30/11/2010	10A7	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
96	Hồ Anh Nhór		12/12/2010	10A7	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
97	Hồ Văn Sơn		19/5/2010	10A7	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
98	Hồ Thị Sương	x	16/9/2010	10A7	Co	Thôn Quế (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
99	Hồ Minh Tài		17/3/2010	10A7	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
100	Hồ Ngọc Thái		10/9/2010	10A7	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
101	Hồ Thị Thanh Thiên	x	26/8/2010	10A7	Hre	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
102	Đình Văn Thương		03/6/2010	10A7	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
103	Hồ Thị Thuyền	x	10/5/2010	10A7	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
104	Hồ Văn Trọng		09/10/2010	10A7	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
105	Hồ Thị Như Việt	x	20/10/2010	10A7	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
106	Hồ Minh Vương		25/5/2010	10A7	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
107	Hồ Quang Anh		28/11/2009	10A8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
108	Hồ Văn Chu		20/04/2010	10A8	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
109	Hồ Thị Dân	x	29/11/2010	10A8	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
110	Hồ Thị Diệu	x	02/02/2010	10A8	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
111	Hồ Ngọc Hào		10/01/2009	10A8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
112	Hồ Chí Hào		01/11/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
113	Hồ Văn Khải		16/09/2010	10A8	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
114	Hồ Xuân Khôi		25/10/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
115	Hồ Văn Kiên		20/02/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
116	Hồ Đình Hải Lâm		15/11/2010	10A8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
117	Hồ Thị Lan	x	05/04/2010	10A8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
118	Hồ Thị Lan	x	20/02/2010	10A8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
119	Hồ Thị Loan	x	07/02/2010	10A8	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
120	Hồ Thị My	x	09/06/2010	10A8	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
121	Hồ Thị Mỹ	x	15/07/2010	10A8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
122	Thị Ngãi	x	02/11/2008	10A8	M'nông	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
123	Hồ Thị Quỳnh Ny	x	18/05/2010	10A8	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
124	Hồ Thị Vy Oanh	x	07/01/2010	10A8	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
125	Hồ Thị Tường Phi	x	06/11/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
126	Hồ Việt Phong		10/11/2009	10A8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
127	Hồ Thị Quỳnh	x	22/08/2010	10A8	Co	Thôn Tang (Xã Trà Búi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
128	Hồ Văn Rít		30/10/2010	10A8	Co	Thôn Trà Lương (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
129	Hồ Thị Lan Thanh	x	26/04/2010	10A8	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
130	Hồ Long Thêm		16/06/2010	10A8	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
131	Hồ Thị Thêm	x	11/03/2010	10A8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
132	Hồ Thị Kim Thùy	x	21/08/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
133	Hồ Văn Tịnh		02/03/2010	10A8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
134	Hồ Minh Toàn		25/03/2010	10A8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
135	Hồ Thị Trang	x	26/01/2010	10A8	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
136	Hồ Văn Triết		15/08/2010	10A8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
137	Hồ Thị Tâm Tuệ	x	25/11/2010	10A8	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
138	Hồ Văn Tuyển		30/11/2009	10A8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
139	Đinh Thị Như Ý	x	12/09/2010	10A8	H'rê	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
140	Hồ Văn An		09/09/2010	10A9	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
141	Hồ Thị Mai Anh	x	07/09/2010	10A9	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
142	Hồ Thị Diệu Châu	x	18/03/2010	10A9	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
143	Hồ Thị Thuý Duyên	x	27/11/2010	10A9	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
144	Hồ Thị Diệp	x	23/03/2010	10A9	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
145	Hồ Thị Bích Hân	x	06/04/2010	10A9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
146	Hồ Thị Hằng	x	16/11/2010	10A9	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
147	Hồ Gia Hào		17/07/2010	10A9	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
148	Hồ A Hạo		25/11/2010	10A9	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
149	Hồ Văn Huay		02/09/2010	10A9	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
150	Hồ Minh Huy		22/08/2010	10A9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
151	Hồ Vũ Khang		03/01/2009	10A9	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
152	Hồ Văn Kháng		05/05/2010	10A9	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
153	Hồ Sơn Lịch		07/04/2010	10A9	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
154	Hồ Thị Như Ly	x	05/05/2010	10A9	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
155	Lò Hồ Nguyên Mạnh		23/12/2010	10A9	Thái	Thôn Trà Xuông (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
156	Hồ Thị Thủy Ngân	x	06/10/2009	10A9	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
157	Hồ Thị Ngọc	x	10/01/2010	10A9	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
158	Hồ Thái Nhục		15/06/2010	10A9	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
159	Hồ Mạnh Ninh		16/02/2010	10A9	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
160	Hồ Thị Diệu Nương	x	05/02/2010	10A9	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
161	Hồ Tý Nỵ	x	04/04/2010	10A9	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
162	Hồ Phú Quang		22/09/2010	10A9	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
163	Hồ Thị Như Quỳnh	x	09/05/2010	10A9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
164	Hồ Thị Sang	x	04/04/2010	10A9	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
165	Hồ Thị Minh Thư	x	01/09/2010	10A9	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
166	Hồ Thị Mỹ Trang	x	25/03/2010	10A9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
167	Hồ Thị Cẩm Tú	x	09/11/2010	10A9	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
168	Hồ Quân Tường		04/10/2009	10A9	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
169	Hồ Thị Tuyết	x	05/04/2010	10A9	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
170	Hồ Thị Như Yến	x	19/09/2010	10A9	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
171	Hồ Thị Thanh Diệu	x	30/08/2010	10A10	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
172	Hồ Quỳnh Duyên	x	23/04/2010	10A10	Co	Thôn Trà Huynh, (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
173	Hồ Văn Đạt		24/10/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
174	Hồ Văn Giang		12/05/2009	10A10	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
175	Hồ Thị Giang	x	30/05/2010	10A10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
176	Hồ Thị Cẩm Hân	x	15/06/2010	10A10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
177	Hồ Thị Hằng	x	25/06/2010	10A10	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
178	Hồ Thị Hào	x	17/11/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
179	Hồ Bảo Hưng		12/12/2010	10A10	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
180	Hồ Jun Huy		14/11/2010	10A10	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
181	Hồ Việt Khang		02/05/2010	10A10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
182	Hồ Văn Khánh		14/07/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
183	Hồ Văn Khoan		24/09/2010	10A10	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
184	Hồ Cu La		09/03/2010	10A10	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
185	Hồ Văn Mưa		07/02/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
186	Hồ Thị My	x	30/03/2010	10A10	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
187	Hồ Thị A Na	x	20/08/2010	10A10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
188	Hồ Thị Kim Ngân	x	29/10/2010	10A10	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
189	Hồ Quỳnh Như	x	15/02/2010	10A10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
190	Hồ Thị Nữ	x	10/09/2010	10A10	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
191	Hồ Văn Qua		01/02/2010	10A10	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
192	Hồ Cao Thiên		14/03/2010	10A10	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
193	Hồ Xuân Thọ		04/02/2010	10A10	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
194	Hồ Thị Thư	x	10/07/2010	10A10	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
195	Hồ Thị Cẩm Tiên	x	29/01/2010	10A10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
196	Hồ Văn Toàn		10/11/2010	10A10	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
197	Hồ Thị Trà	x	10/09/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
198	Hồ Thị Thùy Trâm	x	02/10/2010	10A10	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
199	Hồ Thị Trang	x	15/03/2010	10A10	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
200	Hồ Văn Bốn Vẻ		28/02/2010	10A10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
201	Hồ Thị Xiêm	x	29/09/2010	10A10	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
202	Hồ Minh Trúc		07/11/2009	11B1	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
203	Hồ Thị Chờ	x	07/01/2009	11B2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
204	Hồ Thị Diễm	x	14/4/2009	11B2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
205	Hồ Thị Thanh Huyền	x	01/06/2009	11B2	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
206	Hồ Hoàng Kiệt		20/02/2009	11B2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
207	Hồ Thị Ly	x	27/9/2009	11B2	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
208	Hồ Vi Nhật		29/10/2009	11B2	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
209	Hồ Hạ Ny	x	28/3/2009	11B2	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
210	Hồ Thị Thảo	x	14/4/2009	11B2	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
211	Hồ Như Thúy	x	30/9/2009	11B2	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
212	Hồ Thị Minh Tiến	x	14/8/2009	11B2	Co	Thôn Trà Xuông (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
213	Hồ Văn Tịnh		18/12/2009	11B2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
214	Hồ Bảo Trọng		01/08/2009	11B2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
215	Hồ Thanh Tuấn		23/5/2009	11B2	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
216	Hồ Thị Tuệ	x	17/2/2009	11B2	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
217	Hồ Đình Vỹ		15/01/2009	11B2	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
218	Hồ Ái Ngọc	x	07/01/2009	11B3	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
219	Hồ Thiên An	x	21/10/2009	11B3	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
220	Hồ Hoàng Anh		27/08/2009	11B4	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
221	Hồ Thị Diễm	x	27/01/2009	11B4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
222	Hồ Thị Thu Hà		18/07/2009	11B4	Co	Thôn Trà Lương (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
223	Hồ Văn Hậu		05/5/2009	11B4	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
224	Nguyễn Hồ Đăng Khoa		05/10/2009	11B4	Bana	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
225	Hồ Anh Khoa		17/06/2009	11B4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
226	Hồ Thị Khuê	x	02/02/2009	11B4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
227	Hồ Văn Kỳ		04/09/2008	11B4	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
228	Hồ Thanh Kỳ		05/11/2009	11B4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
229	Hồ Xuân Lập		17/09/2009	11B4	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
230	Hồ Thị Lợi	x	9/3/2009	11B4	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
231	Hồ Thị Ngọc	x	30/10/2009	11B4	Co	Thôn Trà Lương (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
232	Hồ Thị Tâm Như	x	14/04/2009	11B4	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
233	Hồ Thị Phải	x	24/09/2009	11B4	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
234	Hồ Thị Ly Quyền	x	14/03/2009	11B4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
235	Hồ Đình Minh Thư	x	16/02/2009	11B4	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
236	Hồ Thị Cẩm Tiên	x	18/12/2009	11B4	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
237	Hồ Thanh Tinh		25/01/2009	11B4	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
238	Hồ Thị Yến Vy	x	08/06/2009	11B4	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
239	Hồ Thị Yến	x	04/05/2009	11B4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
240	Hồ Thị Lan Anh	x	25/10/2009	11B5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
241	Đình Hồ Quảng Bình		06/07/2009	11B5	Bana	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
242	Hồ Thị Nhã Ca	x	02/04/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
243	Hồ Thị Kiều Diễm	x	08/08/2008	11B5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
244	Hồ Thị Diệp	x	07/02/2009	11B5	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
245	Hồ Minh Đan		02/02/2009	11B5	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
246	Hồ Văn Đạt		15/04/2009	11B5	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
247	Hồ Trung Đình		08/12/2009	11B5	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
248	Hồ Thị Kim Hậu	x	13/02/2009	11B5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
249	Hồ Thị Phương Hiện	x	10/3/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
250	Hồ Thị Linh Hiệp	x	02/02/2009	11B5	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
251	Hồ Thị Thanh Huyền	x	26/09/2009	11B5	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
252	Hồ Thị In In	x	20/02/2009	11B5	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
253	Hồ Bảo Khải		08/09/2009	11B5	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
254	Hồ Văn Khiêm		07/10/2008	11B5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
255	Hồ Thị Khuê	x	13/10/2009	11B5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
256	Hồ Thị Loan	x	27/08/2009	11B5	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
257	Hồ Thị Mến	x	23/09/2009	11B5	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
258	Hồ Thị Nga	x	29/09/2009	11B5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
259	Hồ Thị Ngân	x	25/02/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
260	Hồ Thị Bảo Ngọc	x	08/08/2009	11B5	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
261	Hồ Huê Duy Nguyễn		03/06/2009	11B5	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
262	Hồ Văn Nhạc		06/02/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
263	Hồ Thị Như	x	24/01/2009	11B5	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
264	Hồ Thị Yên Như	x	01/10/2009	11B5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
265	Hồ Hà Li Sa	x	17/10/2009	11B5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
266	Hồ Thị Ý Thơ	x	10/10/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
267	Hồ Bảo Thoại		27/02/2009	11B5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
268	Hồ Thị Tịnh	x	26/06/2009	11B5	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
269	Hồ Thị Kim Trúc	x	08/09/2009	11B5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
270	Hồ Ngọc Tú		29/05/2009	11B5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
271	Hồ Thị Tư	x	14/11/2008	11B5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
272	Hồ Thị Kim Tuyền	x	20/05/2009	11B5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
273	Hồ Thị Ý	x	16/06/2009	11B5	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
274	Hồ Việt Anh		27/11/2009	11B6	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
275	Hồ Thị Bông	x	24/4/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
276	Hồ Thị Quyền Cường	x	19/04/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
277	Hồ Thị Diễm	x	01/09/2009	11B6	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
278	Hồ Cao Đạt		10/02/2009	11B6	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
279	Hồ Văn Gòn		08/01/2009	11B6	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
280	Hồ Kha Hàng		16/07/2009	11B6	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
281	Hồ Thị Thu Hằng	x	13/04/2009	11B6	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
282	Hồ Thị Bích Hữu	x	05/04/2009	11B6	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
283	Hồ Thị Huyền	x	15/05/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
284	Hồ Văn Khải		03/03/2009	11B6	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
285	Hồ Văn Lân		09/01/2009	11B6	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
286	Hồ Thị Bé Linh	x	13/08/2009	11B6	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
287	Hồ Bảo Long		08/10/2009	11B6	Co	Thôn Cà (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
288	Hồ Trần Ka Vi Na	x	04/06/2009	11B6	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
289	Hồ Thị Ly Na	x	21/11/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
290	Hồ Thị Nhi	x	12/09/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
291	Hồ Thị Triệu Ni	x	18/01/2009	11B6	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
292	Hồ Thị Sân	x	23/02/2009	11B6	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
293	Hồ Thái Sinh		24/02/2009	11B6	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
294	Hồ Thị Thắm	x	16/06/2009	11B6	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
295	Hồ Thị Ý Thơ	x	19/09/2009	11B6	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
296	Hồ Thị Thơm	x	25/08/2009	11B6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
297	Hồ Thị Thuỷ	x	12/05/2009	11B6	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
298	Hồ Thị Việt Thy	x	14/06/2009	11B6	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
299	Hồ Văn Tin		30/08/2009	11B6	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
300	Hồ Thị Tiêu Tình	x	19/05/2009	11B6	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
301	Hồ Thị Trúc	x	12/09/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
302	Hồ Thượng Uyên	x	09/10/2009	11B6	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
303	Hồ Thị Triều Vy	x	28/05/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
304	Hồ Thị Như Ý	x	20/04/2009	11B6	Co	Thôn Trà Xuông (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
305	Phạm Hà Quốc Anh		05/07/2009	11B7	Mường	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
306	Hồ Thị Bé	x	16/04/2009	11B7	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
307	Nguyễn Thị Thanh Hiệ	x	04/07/2009	11B7	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
308	Đình Thị Hoài	x	10/08/2009	11B7	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
309	Hồ Duy Khoa		23/04/2009	11B7	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
310	Triệu Thị Lành	x	17/02/2009	11B7	Tày	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
311	Hồ Văn Lượng		05/05/2009	11B7	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
312	Đinh Thị Ly	x	04/12/2009	11B7	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
313	Hồ Hoàng Phát		15/10/2009	11B7	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
314	Lưu Thị Mộng Quỳnh	x	01/08/2009	11B7	Tày	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
315	Hồ Minh Tuyền		28/10/2009	11B7	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
316	Hồ Châu Lập		20/05/2009	11B8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
317	Hồ Thị My	x	24/03/2009	11B8	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
318	Hồ Thị Hiếu Ngân	x	09/12/2009	11B8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
319	Hồ Thị Quỳnh Như	x	13/03/2009	11B8	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
320	Hồ Thị Tiếng	x	13/09/2009	11B8	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
321	Hồ Thanh Trọng		11/06/2009	11B8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
322	Hồ Thị Như Ý	x	15/10/2009	11B8	Co	Thôn Trà Nga (Xã Trà Phong), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
323	Hồ Thị Bình	x	04/02/2009	11B9	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
324	Hồ Song Cát		18/11/2009	11B9	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
325	Hồ Thị Diễm	x	09/05/2009	11B9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
326	Hồ Tiểu Diên	x	21/07/2009	11B9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
327	Hồ Thị Mỹ Diệp	x	03/11/2009	11B9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
328	Hồ Thái Đình		15/06/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
329	Hồ Thị Phương Dung	x	19/12/2009	11B9	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
330	Hồ Văn Duy		15/1/2008	11B9	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
331	Hồ Thị Kim Hậu	x	10/07/2009	11B9	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
332	Hồ Thanh Huy		03/01/2009	11B9	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
333	Hồ Minh Khương		7/12/2009	11B9	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
334	Hồ A Kin		13/03/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
335	Hồ Thị Tuyết Lâm	x	06/05/2009	11B9	Co	Thôn 3 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
336	Hồ Thị Minh Lư	x	06/07/2009	11B9	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bù), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
337	Hồ Châu Diệu Ly	x	15/7/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
338	Hồ Hoàng Mạnh		22/05/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
339	Hồ Đào Gia My	x	17/12/2009	11B9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
340	Hồ Thị Ngân	x	30/12/2009	11B9	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
341	Hồ Văn Nguyễn		9/1/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
342	Hồ Thị Quỳnh Như	x	21/04/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
343	Hồ Thị Quỳnh Như	x	13/06/2009	11B9	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
344	Hồ Thị Non	x	09/06/2009	11B9	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
345	Quách Văn Phát		02/03/2009	11B9	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
346	Hồ Thị Như Quỳnh		08/6/2008	11B9	Co	Thôn Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
347	Hồ Văn Sư		01/10/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
348	Hồ A Thực		19/09/2009	11B9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
349	Hồ Thị Thủy Tình	x	26/06/2009	11B9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
350	Hồ Thị Thu Trà	x	04/09/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
351	Hồ Văn Út		28/01/2009	11B9	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
352	Hồ Thị Hà Vy	x	14/04/2009	11B9	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
353	Hồ Thị Như Ý	x	21/07/2009	11B9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
354	Hồ Văn Đại		01/07/2009	11B10	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
355	Hồ Xuân Đợi		19/07/2009	11B10	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
356	Hồ Thị Giang	x	06/04/2009	11B10	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
357	Hồ Minh Hải		23/07/2009	11B10	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
358	Hồ Thanh Hậu		06/10/2008	11B10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
359	Triệu Vĩnh Hưng		12/05/2009	11B10	Tày	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
360	Hồ Thanh Khiêm		23/06/2009	11B10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
361	Hồ Thị Lệ	x	11/06/2009	11B10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
362	Hồ Na Ô Mí	x	16/09/2009	11B10	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
363	Hồ Duy Mông		12/06/2009	11B10	Co	Thôn Bãng (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
364	Hồ Thị Na	x	20/02/2009	11B10	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
365	Hồ Thị Thanh Nga	x	07/01/2009	11B10	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
366	Hồ Thị Thủy Nhã	x	26/07/2009	11B10	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
367	Đinh Thị Nhi	x	16/12/2009	11B10	Cadong	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
368	Hồ Thị Nhật Ni	x	04/11/2009	11B10	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
369	Hồ Thị Oanh	x	29/12/2009	11B10	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
370	Hồ Thị Quyên	x	16/01/2009	11B10	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
371	Hồ Thị Quyền	x	15/06/2009	11B10	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
372	Hồ Thị Quỳnh	x	22/11/2009	11B10	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
373	Hồ Xuân Thao		13/05/2009	11B10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
374	Hồ Thị Thêm	x	10/5/2009	11B10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
375	Hồ Thị Cẩm Tiên	x	31/07/2009	11B10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
376	Hồ Thị Quỳnh Trang	x	26/01/2009	11B10	Co	Thôn Quế (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
377	Hồ Văn Trí		11/10/2009	11B10	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
378	Hồ Phúc Tự		23/10/2009	11B10	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
379	Hồ Văn Tuấn		12/09/2009	11B10	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
380	Hồ Minh Tuyền		05/03/2009	11B10	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
381	Hồ Thị Thụy Uyên	x	04/05/2009	11B10	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
382	Hồ Thị Uyên	x	01/01/2009	11B10	Co	Thôn Tang (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
383	Hồ Xuân Vĩ		06/12/2008	11B10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
384	Hồ Văn Vũ		10/9/2009	11B10	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
385	Triệu Thị Kiều	x	31/08/2008	12C1	Tày	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
386	Hồ Hà Tiểu Quyên	x	06/07/2008	12C1	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
387	Hồ Thị Ngọc Bích	x	17/07/2008	12C2	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
388	Hồ Phiêu Bình		21/11/2008	12C2	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
389	Hồ Thị Cẩm	x	02/02/2008	12C2	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
390	Hồ Thị Duyên	x	01/12/2008	12C2	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
391	Hồ Thị Giang	x	09/09/2008	12C2	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
392	Hồ Thị Ngân Hà	x	13/11/2008	12C2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
393	Hồ Thị Thủy Hằng	x	04/07/2008	12C2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
394	Hồ Thanh Hoài		22/03/2008	12C2	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
395	Hồ Văn Khang		13/03/2008	12C2	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
396	Hồ Văn Khoái		10/9/2008	12C2	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
397	Hồ Văn Khuyến		09/6/2008	12C2	Co	Thôn Bãng (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
398	Hồ Thị Hằng Kỳ	x	04/10/2008	12C2	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
399	Hồ Tiềm Lập		28/09/2008	12C2	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
400	Hồ Thị Lin	x	16/6/2008	12C2	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
401	Hồ Thị Yến Linh	x	16/4/2008	12C2	Co	Thôn Trà Liên (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
402	Hồ Trúc Luân		14/02/2008	12C2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
403	Hồ Thị Thủy Ly	x	29/04/2008	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
404	Đình Thị Hà My	x	09/11/2008	12C2	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
405	Triệu Diễm My	x	03/06/2008	12C2	Tày	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
406	Hồ Thị Ly Na	x	20/02/2008	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
407	Hồ Văn Nam		26/6/2008	12C2	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
408	Hồ Thị Thu Nguyệt	x	14/4/2008	12C2	Giê- Triêng	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
409	Hồ Thị Nhi	x	03/08/2008	12C2	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
410	Hồ Thị Phương Nhi	x	28/07/2008	12C2	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
411	Hồ Văn Ninh		18/12/2007	12C2	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
412	Hồ Thiên Phiên		24/10/2008	12C2	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
413	Hồ Thị Quỳnh Phước	x	26/3/2008	12C2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
414	Hồ Thị Phương	x	29/07/2008	12C2	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
415	Hồ Thị Na Ra	x	04/04/2008	12C2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
416	Hồ Thị Mỹ Tâm	x	02/01/2008	12C2	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
417	Hồ Văn Thanh		07/07/2008	12C2	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
418	Hồ Thị Thư	x	15/11/2008	12C2	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
419	Hồ Thị Thùy	x	26/09/2008	12C2	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
420	Hồ Thị Uyên Thùy	x	07/11/2008	12C2	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
421	Hồ Thị Trà	x	22/02/2008	12C2	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
422	Hồ Thị Trâm	x	20/05/2008	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
423	Hồ Văn Trúc		10/09/2008	12C2	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
424	Hồ Thị Kim Vy	x	08/09/2008	12C2	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
425	Hồ Thị Ly Xa	x	02/12/2008	12C2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
426	Hồ Thị Như Ý	x	14/09/2007	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
427	Hồ Thị Kim Yên	x	08/8/2008	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
428	Hồ Vương Kiệt		03/04/2008	12C3	Co	Thôn 3 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
429	Hồ Văn Bưởi		11/06/2007	12C4	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
430	Hồ Thị Kim Chi	x	24/10/2008	12C4	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
431	Hồ Thanh Chiến		20/07/2007	12C4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
432	Hồ Thị Mĩ Diệp	x	08/04/2008	12C4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
433	Hồ Hải Dương		07/01/2006	12C4	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
434	Hồ Mỹ Duyên	x	09/10/2008	12C4	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
435	Triệu Hồ Thị Hàng	x	02/10/2008	12C4	Tày	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
436	Hồ Thị Mỹ Hạnh	x	23/04/2008	12C4	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
437	Hồ Anh Huy		21/10/2008	12C4	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
438	Hồ Văn Kiệt		20/02/2008	12C4	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
439	Hồ Thanh Long		20/10/2008	12C4	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
440	Hồ Thị Luyện	x	30/03/2008	12C4	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
441	Hồ Văn Nhân		25/04/2008	12C4	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
442	Hồ Thị Quỳnh	x	29/05/2008	12C4	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
443	Hồ Su Ran		10/04/2008	12C4	Co	Thôn Cà (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
444	Hồ Thanh Xuân		01/01/2008	12C4	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
445	Hồ Kỳ Châu		01/01/2008	12C5	Co	Thôn Hà Riêng (Xã Trà Phong), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
446	Hồ Văn Dinh		06/03/2008	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
447	Hồ Văn Dinh		13/01/2008	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
448	Hồ Văn Đức		03/02/2008	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
449	Hồ Thị Hân	x	01/11/2008	12C5	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
450	Hồ Văn Khoa		30/05/2007	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
451	Hồ Thị Kiều	x	18/01/2007	12C5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
452	Hồ Trần Khánh Nhật		26/05/2008	12C5	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
453	Hồ Thị Nhi Như	x	12/05/2008	12C5	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
454	Hồ Thị Y Phương	x	28/08/2008	12C5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
455	Hồ Văn Quốc		15/07/2008	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
456	Hồ Thị Quyền	x	03/10/2008	12C5	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
457	Hồ Lô Ríc		16/07/2008	12C5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
458	Trương Hồ K Thơ	x	06/04/2008	12C5	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
459	Đinh Thị Trang	x	19/12/2008	12C5	Hrê	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
460	Hồ Xuyên Trường		30/10/2008	12C5	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
461	Hồ Đặng Duy Trường		14/12/2008	12C5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
462	Hồ Thị Minh Tuệ	x	07/06/2008	12C5	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
463	Hồ Thị Như Ý	x	05/05/2008	12C5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
464	Hồ Thị Thúy Ngọc Hà	x	14/09/2008	12C6	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
465	Hồ Văn Hào		09/10/2008	12C6	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
466	Hồ Tịnh Hào		02/09/2008	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
467	Hồ Thanh Kỳ		08/08/2008	12C6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
468	Hồ Thị Luy	x	10/09/2008	12C6	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
469	Hồ Thị Năn	x	10/12/2008	12C6	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
470	Lê Thị Mậu Nhi	x	22/09/2008	12C6	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
471	Hồ Văn Quang		04/08/2008	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
472	Hồ Thị Thảo	x	26/07/2008	12C6	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
473	Hồ Thị Thiệp	x	30/08/2008	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
474	Hồ Thị Thủy Tiên	x	11/12/2008	12C6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
475	Hồ Văn Trì		10/10/2007	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
476	Hồ Quốc Viễn		20/07/2008	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
477	Hồ Văn Vũ		16/03/2008	12C6	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
478	Hồ Khánh Duy		24/06/2008	12C7	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
479	Hồ Thị Mỹ Giao	x	19/11/2008	12C7	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bù), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
480	Hồ Thị Hà Lin	x	17/08/2008	12C7	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
481	Nguyễn Xê Nê	x	14/06/2008	12C7	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
482	Hồ Thị Kiều Ngân	x	02/10/2008	12C7	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
483	Hồ Thị Ngọc Nhuận	x	03/01/2008	12C7	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
484	Hồ Xuân Quyển		22/03/2008	12C7	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
485	Đình Văn Sy		14/10/2008	12C7	Hrê	Thôn Niên (Xã Trà Bù), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
486	Hồ Văn Thái		01/04/2008	12C7	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
487	Hồ Thị Trang	x	13/10/2008	12C7	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
488	Trương Hồng Tú		27/12/2008	12C7	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
489	Hồ Ngọc Tuấn		27/12/2008	12C7	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
490	Hồ Duy Tùng		10/09/2007	12C7	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
491	Hồ Thị Tỷ	x	20/08/2008	12C7	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
492	Hồ Thị Bảo Ân	x	15/08/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
493	Hồ Duy Bảo		01/08/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
494	Hồ Thị Kiều Diễm	x	14/05/2008	12C8	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
495	Hồ Duy Đình		09/11/2008	12C8	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
496	Hồ Thị Thanh Hân	x	09/03/2008	12C8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
497	Lê Thị Anh Hoa	x	25/01/2008	12C8	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
498	Đinh Thị Minh Hòa	x	31/03/2008	12C8	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
499	Hồ Như Hoài		09/11/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
500	Hồ Tấn Hoàng		04/02/2008	12C8	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
501	Hồ Văn Huy		12/11/2008	12C8	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
502	Hồ Thị Mai Ka	x	10/02/2008	12C8	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
503	Hồ Văn Kha		10/06/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
504	Hồ Ngọc Khải		26/07/2008	12C8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
505	Hồ Đình Khang		28/8/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
506	Hồ Văn Kim		29/03/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
507	Hồ Thị Hà Linh	x	14/9/2008	12C8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
508	Hồ Đức Minh		29/12/2008	12C8	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
509	Hồ Thị Thảo My	x	13/10/2008	12C8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
510	Hồ Thị Bé Ngọc	x	22/10/2008	12C8	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
511	Hồ Thị Ni	x	29/12/2008	12C8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
512	Hồ Thị Mỹ Niên	x	06/05/2008	12C8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
513	Hồ Văn Phi		02/01/2008	12C8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
514	Hồ Thị Quyền	x	10/10/2008	12C8	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
515	Đình Tiên Sơn		09/12/2008	12C8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
516	Hồ Văn Sơn		21/07/2008	12C8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
517	Hồ Văn Tài		01/06/2008	12C8	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
518	Hồ Thị Phương Thắm	x	26/01/2008	12C8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
519	Đinh Văn Thìn		13/05/2008	12C8	Hrê	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
520	Đinh Văn Tiến		06/09/2008	12C8	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
521	Hồ Văn Tình		13/03/2008	12C8	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
522	Hồ Thị Diệu Trâm	x	05/03/2008	12C8	Co	Thôn Niên (Xã Trà Búi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
523	Hồ Văn Trí		27/11/2008	12C8	Co	Thôn Bằng (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
524	Hồ Văn Triều		18/6/2008	12C8	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
525	Hồ Thị Trúc	x	15/06/2008	12C8	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
526	Hồ Thành Trung		03/11/2008	12C8	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
527	Hồ Thị Ly Ty	x	20/01/2008	12C8	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
528	Hồ Thị Chin Xu	x	07/11/2008	12C8	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Trường THPT Ba Gia (02)						2	-	-	-	936.000	360.000	15	9	16.848.000	6.480.000	270	
1	Hồ Trần Bảo Thy	x	07/04/2010	10A4	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân) xã Cà Đam-Quảng Ngãi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Hà Cherring	x	19/09/2009	11B4	Mường	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân) xã Cà Đam- Quảng Ngãi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia (09 học sinh)						9	-	-	-	936.000	360.000	15	9	75.816.000	29.160.000	1.215	
1	Hồ Duy Luân		10/06/2010	10C	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	